



BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT**

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đồng Tâm và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đồng Tâm và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo được lập ra. Trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2010, chúng tôi đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo được lập ra.

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt kèm theo là nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra.

Để có thể hiểu rõ hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như về phạm vi của công việc kiểm toán, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này phải được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất mà từ đó, các báo cáo tài chính hợp nhất tóm tắt này được lập ra cùng với báo cáo kiểm toán tương ứng.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo Kiểm toán số: 09-01-206/SU



Chang Hung Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc


Lam Thi Ngoc Hao
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	100	1.584.497.717.062	1.440.169.257.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	65.172.101.931	19.319.818.247
Tiền	111	65.172.101.931	19.319.818.247
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	659.071.005	1.114.005.800
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121	1.260.045.805	3.240.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(600.974.800)	(2.125.994.200)
Các khoản phải thu	130	158.784.637.553	357.248.953.768
Phải thu thương mại	131	106.465.741.601	45.511.591.005
Trả trước cho người bán	132	52.013.581.546	306.569.432.952
Phải thu khác	135	7.713.018.511	12.039.209.231
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(7.407.704.105)	(6.871.279.420)
Hàng tồn kho	140	1.332.743.925.055	1.005.700.648.500
Hàng tồn kho	141	1.342.499.452.584	1.007.534.776.591
Dự phòng hàng tồn kho	149	(9.755.527.529)	(1.834.128.091)
Tài sản ngắn hạn khác	150	27.137.981.518	56.785.830.780
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.424.709.234	1.954.774.060
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17.704.062.488	2.589.899.798
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	1.266.348.989	8.314.933.310
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.742.860.807	43.926.223.612

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	2009 VNĐ	2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	1.200.650.230.433	1.216.997.899.678
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(28.464.368.249)	(50.080.656.566)
Doanh thu thuần	10	1.172.185.862.184	1.166.917.243.112
Giá vốn hàng bán	11	(749.852.886.106)	(772.046.072.943)
Lợi nhuận gộp	20	422.332.976.078	394.871.170.169
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.510.472.551	12.035.220.572
Chi phí hoạt động tài chính	22	(76.682.719.529)	(120.692.465.422)
Chi phí bán hàng	24	(144.021.985.448)	(145.007.549.690)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(115.771.886.749)	(102.871.659.559)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	100.366.856.903	38.334.716.070
Kết quả từ các hoạt động khác	40		
Thu nhập khác	31	5.645.789.469	6.276.156.893
Chi phí khác	32	(6.293.563.594)	(5.653.793.631)
(Lỗ)/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	40	(754.578.202)	290.200.139
Lợi nhuận trước thuế	50	98.964.504.576	39.247.279.471
Chi phí thuế thu nhập - hiện hành	51	(32.649.201.683)	(14.306.213.081)
Lợi ích thuế thu nhập - hoãn lại	52	3.822.438.253	9.200.892.100
Lợi nhuận thuần	60	70.137.741.146	34.141.958.490
Phân bổ (từ)/ cho:			
Cổ đông thiểu số	61	(4.272.999.411)	642.767.592
Chủ sở hữu của Công ty	62	74.410.740.557	33.499.190.898
Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.095	492

Hồ Bảo Luân
ám đốc Tài chính

Etienne Lucien Laude
Tổng Giám đốc

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Thặng dư vốn		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận chưa	Tổng nguồn vốn		Quỹ khen thưởng và phúc lợi		Lợi ích cổ đông		Tổng cộng VND
	Vốn cổ phần VND	cổ phần VND	VND	VND	VND	phát triển VND	tài chính VND	phân phối VND	chủ sở hữu VND	VND	VND	thiếu số VND	VND		
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 - đã báo cáo trước đây															
	523.947.500.000	172.631.500.000	(229.000.000)	-	-	-	915.208.901	457.604.451	153.942.742.539	851.665.555.891	688.068.901	57.319.449.815	909.673.074.607		
	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.613.205.634)	(6.613.205.634)	-	721.845.773	(5.891.359.861)		
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008 - đã điều chỉnh lại															
	523.947.500.000	172.631.500.000	(229.000.000)	-	-	-	915.208.901	457.604.451	147.329.536.905	845.052.350.257	688.068.901	58.041.295.588	903.781.714.746		
Thu từ góp vốn của cổ đông thiếu số															
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.849.500.000	4.849.500.000		
Cổ phiếu quỹ mua trong năm															
	-	(3.095.950.000)	(476.300.000)	-	-	-	-	-	-	(3.572.250.000)	-	-	(3.572.250.000)		
Lợi nhuận thuần trong năm															
	-	-	-	-	-	-	-	-	33.499.190.898	33.499.190.898	-	642.767.592	34.141.958.490		
Phân bổ vào quỹ vốn															
	-	-	-	-	-	-	-	5.859.675.599	(21.138.158.151)	(15.278.482.552)	15.278.482.552	-	-		
Chủ sở hữu															
	-	-	-	-	-	-	-	-	(89.013.564.000)	(89.013.564.000)	-	(9.007.930.625)	(98.021.494.625)		
Cổ tức															
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.189.431.673)	(57.345.585)	(11.246.777.258)		
Sử dụng các quỹ															
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(367.174.664)	(585.697.924)	(17.531.121.997)		
Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiếu số															
	-	-	-	-	-	-	-	(875.186.778)	(15.703.062.631)	(16.578.249.409)					
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009 - đã điều chỉnh lại															
	523.947.500.000	169.535.550.000	(705.300.000)	-	-	-	915.208.901	5.442.093.272	54.973.943.021	754.108.995.194	4.409.945.116	53.882.589.046	812.401.529.356		

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009 - đã điều chỉnh lại										
523.947.500.000	169.535.550.000	(705.300.000)	-	915.208.901	5.442.093.272	54.973.943.021	754.108.995.194	4.409.945.116	53.882.589.046	812.401.529.356
156.757.350.000	(156.757.350.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	3.271.410.000	3.271.410.000
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	(4.663.750.000)	(717.500.000)	-	-	-	-	(5.381.250.000)	-	-	(5.381.250.000)
	-	-	268.424.968	-	-	-	268.424.968	-	20.840.018	289.264.986
	-	-	-	-	-	74.410.740.557	74.410.740.557	-	(4.272.999.412)	70.137.741.145
	-	-	-	-	1.205.476.611	(7.321.995.495)	(6.116.518.884)	6.116.518.884	-	-
	-	-	-	-	-	(33.964.105.500)	(33.964.105.500)	-	(756.441.592)	(34.720.547.082)
	-	-	-	-	(5.600)	-	(5.600)	(8.256.908.686)	(31.598.249)	(8.288.512.535)
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	8.616.228	-	(46.114.723)	(95.164.611)	(132.663.106)	(71.171.826)	(12.566.541.583)	(12.770.376.515)
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	-	-	-	-	-	-	(353.870.991)	(353.870.991)
680.704.850.000	8.114.450.000	(1.422.800.000)	277.041.196	915.208.901	6.601.449.560	88.003.417.972	783.193.617.629	2.198.383.488	39.193.387.247	824.585.388.364

Người lập:

Người duyệt:



Hồ Bảo Luân
Giám đốc Tài chính

Etienne Lucien Laude
T. Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	2009 VNĐ	2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	98.964.504.576	39.247.279.471
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	84.397.532.171	90.235.922.101
Các khoản dự phòng	03	5.316.976.674	20.159.454.993
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	297.881.214	—
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn	05	7.462.832.360	1.070.068.591
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(203.826.794)	(188.593.864)
Lỗ do thanh lý công ty con	05	305.240.931	—
Lỗ/(lãi) do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	05	423.063.195	(45.000.000)
Lỗ/(lãi) từ công ty liên kết và liên doanh	05	754.578.202	(290.200.139)
Thu lãi tiền gửi		(1.546.091.075)	(4.231.421.186)
Thu cổ tức	05	(2.604.320.543)	(5.035.059.564)
Bất lợi thương mại	05	—	(105.935.185)
Chi phí lãi vay	06	70.471.018.199	96.918.231.320
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	264.039.389.110	237.734.746.538
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	192.730.888.928	(38.769.606.431)
Biến động hàng tồn kho	10	(269.457.833.047)	3.932.708.635
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	55.905.242.446	(147.284.547.401)
		243.217.687.437	55.613.301.341
Tiền lãi vay đã trả	13	(130.594.056.788)	(143.185.364.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(12.016.500.731)	(8.303.049.904)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	504.934.269	—
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.204.853.660)	(11.246.777.258)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20	92.907.210.527	(107.121.890.675)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	2009 VNĐ	2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(60.860.271.969)	(162.437.299.527)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	203.826.794	214.285.714
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(9.974.770.000)	(25.914.458.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.556.891.000	1.464.498.412
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	4.150.411.618	9.266.480.750
Thanh lý công ty con, tiền thuần của công ty con đã thanh lý		5.921.818.165	—
Mua công ty con, tiền thuần của công ty con mua được		—	(66.266.237.730)
Tiền chi mua cổ phần từ cổ đông thiểu số		(15.187.500.000)	(49.639.042.987)
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30	(74.189.594.392)	(293.311.773.368)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Thu từ góp vốn của cổ đông thiểu số vào công ty con	31	3.271.410.000	4.849.500.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(5.381.250.000)	(3.572.250.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.671.699.133.212	1.010.997.127.133
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.607.734.078.581)	(536.950.895.297)
Tiền trả cổ tức	36	(34.720.547.082)	(98.021.494.625)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40	27.134.667.549	377.301.987.211
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	45.852.283.684	(23.131.676.832)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	19.319.818.247	42.451.495.079
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	65.172.101.931	19.319.818.247
CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ			
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		1.157.379.395	2.728.839.317
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang		62.620.389.735	43.262.360.707
Chi phí lãi vay được vốn hóa vào bất động sản đầu tư		—	631.032.384

Người lập:



Hồ Bảo Luân

Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Etienne Lucien Laude

Tổng Giám đốc



Các chỉ tiêu kế hoạch nêu trong báo cáo này được lập dựa trên điều kiện kinh doanh bình thường, không làm tổn hại đến lợi ích của Công ty cũng như các cổ đông thiểu số khác

DANH SÁCH HÌNH ẢNH:
Hình bìa: Pawel Worytko - Dreamstime.com
Hình trên trang bìa và Chương II, III, IV, V, VI, VII: Tanakawho - flickr.com/photos/28481088@N00/
Hình trang 3: Viachaslau Bondarau - Dreamstime.com
Hình trên Chương VIII: Vlue - Dreamstime.com